

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 253/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 11 - 2023
V/v Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nhi
Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 545/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Không công nhận vợ chồng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 299/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim Th; Sinh năm: 1979; Địa chỉ cư trú: Số A đường L, khóm D, Phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh C; Sinh năm: 1978; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Kim Th trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Bà và ông Lê Minh C tự nguyện chung sống vào năm 1999, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2022, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

- Con chung: Bà và ông C có 03 người con chung tên Lê Tuyết M, sinh năm 1999, Lê Tuyết Nh, sinh năm 2003 đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng; Lê Tuyết B, sinh ngày 20/12/2005. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi Lê Tuyết B, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

- Tài sản chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không ai nợ lại ông, bà.

Ông Lê Minh C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Hôn nhân: Ông và bà Th chung sống năm 1999, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn đúng như bà Th trình bày, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Bà Th yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

- Con chung: Ông và bà Th có 03 người con chung tên Lê Tuyết M, sinh năm 1999, Lê Tuyết Nh, sinh năm 2003 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng; Lê Tuyết B, sinh ngày 20/12/2005. Khi ly hôn, ông đồng ý giao Lê Tuyết B cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Ông xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Ông xác định không nợ ai, không ai nợ ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng.

[2] Về hôn nhân: Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Th và ông C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà Th và ông C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Th và ông C có 03 người con chung tên Lê Tuyết M, sinh năm 1999, Lê Tuyết Nh, sinh năm 2003 đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ; Lê Tuyết B, sinh ngày 20/12/2005. Khi ly hôn, bà Th và ông C thống nhất giao Lê Tuyết B cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay Lê Tuyết B đang sống ổn định với bà Th. Đồng thời, tại Biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 11/10/2023 Lê Tuyết B có nguyện vọng là được sống chung với mẹ và là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao Lê Tuyết B cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Th và ông C thống nhất không yêu cầu xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Bà Th và ông C xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Th và ông C xác định không có, không ai yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Kim Th và ông Lê Minh C là vợ chồng.

Con chung: Giao Lê Tuyết Bã, sinh ngày 20/12/2005, hiện đang sống cùng bà Th cho bà Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí: Bà Th phải nộp 300.000 đồng. Ngày 04/10/2023, bà Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0008345 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Hân